

Số: 79/BC-UBND

Như Quỳnh, ngày 15 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/12/2021 về kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và Công văn chỉ đạo của UBND huyện Văn Lâm về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ủy ban nhân dân thị trấn Như Quỳnh báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC:

Căn cứ vào Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; UBND thị trấn đã Ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 11/01/2023 về CCHC năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 15/01/2023 về phát động phong trào thi đua CCHC năm 2023; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 27/01/2023 về triển khai thực hiện nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 27/01/2023 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh năm 2023; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 12/01/2023 về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 23/02/2023 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, xây dựng thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh; Công văn số 32/UBND-VP ngày 17/03/2023 về việc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC và nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2023 và triển khai phát động đến các ngành, đoàn thể, các bộ phận chuyên môn và các cán bộ công chức cùng thực hiện tại cuộc họp Đảng ủy, UBND tháng ngày 03/04/2023.

2. Công tác tuyên truyền CCHC:

Việc tuyên truyền trọng tâm vào kết quả thực hiện khai nhiệm vụ CCHC thực hiện theo từng quý, 6 đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023; đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; việc nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công...

- Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (Nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).

Đài truyền thanh đã xây dựng chuyên mục tuyên truyền về CCHC được 03 tin bài, truyền thanh 11 lượt để tuyên truyền sâu rộng đến các thôn, phố nhằm nâng cao nhận thức của người dân về công tác CCHC; Ngoài ra, công tác tuyên truyền CCHC còn được thị trấn quan tâm triển khai lồng ghép trong các Hội nghị giao ban, Hội nghị triển khai nhiệm vụ Kinh tế- xã hội, trong các hội nghị thường kỳ và đột xuất hay các buổi học tập Nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người lao động. Nội dung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của UBND các cấp về công tác CCHC, Chỉ thị của Chủ tịch UBND về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn và kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thị trấn về cải cách hành chính năm 2023.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao 6 tháng đầu năm 135 nhiệm vụ, đã giải quyết 123 đảm bảo đúng hạn, còn 12 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn (có phụ biểu kèm theo).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

- Tiến hành kiểm soát các văn bản do HĐND, UBND ban hành. Nâng cao chất lượng thẩm định trong hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong 6 tháng đầu năm chưa có văn bản QPPL được ban hành.

- Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản: Tổng số Văn bản được ban hành 6 tháng đầu năm: 785 văn bản, trong đó: Báo cáo 80; Quyết định 346; Tờ trình 31; Kế hoạch 84; Công văn 95; Thông báo 149 và một số các văn bản khác. Các văn bản được ban hành theo đúng quy định về trình tự, thể thức, đúng thẩm quyền và đúng luật. Không có văn bản ban hành trái pháp luật. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản phát huy tính dân chủ, quyền giám sát của nhân dân khi xây dựng thể chế, chính sách của địa phương.

- Quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL đảm bảo đúng Luật ban hành văn bản; phát huy tính dân chủ, quyền giám sát của nhân dân khi xây dựng thể chế, chính sách của địa phương; công chức Tư pháp căn cứ chức năng nhiệm vụ tham mưu UBND về kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL; theo dõi việc thi hành pháp luật.

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản QPPL tại đơn vị: tính đến ngày 15/06/2023, HĐND, UBND thị trấn chưa có các văn bản QPPL.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Công chức đầu mối thực hiện kiểm soát TTBC: UBND đã tham mưu ra Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 dựa trên kế hoạch của huyện và phù hợp với chức năng của thị trấn. Hiện nay số thủ tục hành chính được công bố mới nhất là

129 thủ tục, UBND thị trấn đã rà soát nhưng chưa có vị trí niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (do cơ quan xây trụ sở mới, bộ phận một cửa sử dụng tạm dưới hiên nhà văn hóa thị trấn).

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ tại bộ phận Một cửa của UBND thị trấn. 6 tháng đầu năm đã tiếp nhận 3389 hồ sơ thủ tục hành chính, đã xử lý giải quyết 3384 hồ sơ, còn 05 hồ sơ đang giải quyết trong hạn. Kết quả giải quyết hoàn thành đúng hạn 100%, không có hồ sơ quá hạn.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phát huy có hiệu quả việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính đem lại những lợi ích rất rõ nét cả về công tác chỉ đạo điều hành, hoạt động chuyên môn cũng như phục vụ nhu cầu của công dân.

- Đã lập tờ trình đề nghị rút ngắn quá trình giải quyết TTHC trong nội bộ đơn vị đối với các lĩnh vực Nội vụ; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội; lĩnh vực Hành chính-Tư pháp, lĩnh vực Văn hóa; lĩnh vực Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; lĩnh vực Xây dựng; lĩnh vực Y tế gồm 49 quy trình giải quyết rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 đến 30%.

- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại bộ phận một cửa, tính đến thời điểm báo cáo UBND thị trấn chưa nhận được phản ánh, kiến nghị nào về nội dung, quy trình giải quyết TTHC.

- Số thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung là 0 thủ tục

- Việc công bố, cập nhật TTHC: Số lượng TTHC được rà soát cập nhật theo bộ TTHC mới được UBND tỉnh ban hành 129 thủ tục.

+ Chất lượng giải quyết TTHC đảm bảo tốt, người dân hài lòng khi đến liên hệ giải quyết công việc liên quan đến TTHC. Trong Quý I thị trấn chưa có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Công tác bố trí công chức đảm bảo đúng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của công việc

- Thực hiện và quản lý về định mức biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đúng theo quy định của UBND tỉnh, hiện tại thị trấn thiếu 01 cán bộ (Bí thư Đảng ủy).

- Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức: Trình độ chuyên môn trên Đại học là $3/18 = 16,7\%$, Đại học là $13/18 = 72,2\%$, Trung cấp là $2/18 = 11,1\%$. Trình độ chính trị: Cao cấp là $02/18 = 11,1\%$, Trung cấp là $10/18 = 55,6\%$, Sơ cấp là $6/18 = 33,3\%$;

- Số lượng, chất lượng những người hoạt động không chuyên trách thị trấn: Trình độ chuyên môn trên Đại học là 0, Đại học là $06/12$, Cao đẳng là $01/12$, Trung cấp là $02/12$, còn lại 01 chưa qua đào tạo. Trình độ chính trị: Cao cấp là 0, Trung cấp là 01, Sơ cấp là 11.

- Xây dựng Quy chế và triển khai thực hiện quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ UBND thị trấn ra Quyết định số 273/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND nhiệm kỳ 2021-2026 và tổ chức thực hiện tốt quy chế.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Thực hiện tốt Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh mục, chức danh, vị trí việc làm, UBND thị trấn bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn quy định. Biên chế được giao là 22 biên chế, số hiện có 18 (thiếu 02 cán bộ (Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch UBND do 01 đ/c kiêm và 01 đ/c Chủ tịch Ủy ban MTTQ); 02 công chức (Địa chính đất đai và Văn hóa xã hội).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 6 tháng đầu năm chưa có đ/c nào tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: UBND thị trấn ra Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở căn cứ tình hình để cân đối các khoản chi theo hoạt động của đơn vị.

- Tình hình công khai dự toán, quyết toán: Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc công bố công khai số liệu trình HĐND thị trấn về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị:

+ Tổng thu ngân sách thực hiện 38,685 tỷ đồng, đạt 215% kế hoạch huyện giao và đạt 50.4% thị trấn giao.

+ Tổng chi tính đến 31/5/2023 của thị trấn là 26,39 tỷ đồng đạt 146,7% kế hoạch huyện giao và đạt 34,4% kế hoạch thị trấn giao;

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. UBND thị trấn đã thực hiện hoàn trả nguồn cải cách tiền lương số tiền 6.767.104.888 đồng đạt 85,7% theo kết luận của kiểm toán nhà nước.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND thị trấn đã ban hành quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan UBND thị trấn Như Quỳnh và công khai để các phòng ban, cán bộ, công chức thị trấn thực hiện. Về cơ bản các phòng ban và cán bộ công chức thị trấn sử dụng tài sản công theo quyết định đã ban hành. Nguyên nhân, tồn tại và biện pháp khắc phục: UBND thị trấn mới thực hiện hoàn trả nguồn cải cách tiền lương đạt 85,7% theo kết luận của kiểm toán nhà nước khu vực VI do trong năm nguồn thu thường xuyên của thị trấn không đảm bảo, thị trấn đã thực hiện 100% nguồn thu thường xuyên còn lại trong năm 2022 để hoàn trả nguồn cải cách tiền lương. Năm 2023 UBND thị trấn đảm

bảo hoàn trả nguồn cải cách tiền lương số tiền còn lại đảm bảo thực hiện đúng theo kết luận của kiểm toán nhà nước khu vực VI.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý hành chính, cập nhật 100% văn bản đến - đi trên phần mềm quản lý và điều hành văn bản; 100% thực hiện sử dụng chữ ký số văn bản đi đảm bảo theo quy định.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc TCVN ISO 9001:2015, đã quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 công bố thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

- Chỉ đạo, triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại cơ quan, đơn vị: BCĐ chuyển đổi số thị trấn đã ban hành QĐ thành lập kênh giao tiếp giữa lãnh đạo thị trấn với người dân và kèm theo quy định về việc đăng tin bài trên trang Zalo kênh giao tiếp; Ban hành kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 07/02/2023 về việc thực hiện phụ lục III các chỉ số chuyển đổi cấp xã, thị trấn theo QĐ số 3047/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên; Ngày 17/3/2023 BCĐ chuyển đổi số mở hội nghị mở rộng họp quý 1 quán triệt thực hiện các chỉ số theo kế hoạch số 24; thông qua QĐ và quy định về sử dụng kênh Zalo trực tuyến; giao nhiệm vụ cho các chi bộ, trưởng các thôn, phố về tổ chức hướng dẫn cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cài đặt ứng dụng VNID trên điện thoại phục vụ cung cấp dịch vụ công trên môi trường mạng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

UBND thị trấn đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm, kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển của địa phương; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu, nội dung, bước đầu hoàn thành các nhiệm vụ theo tiến độ được giao, đáp ứng yêu cầu nhằm đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ hiện đại hóa hành chính công. Phần mềm một cửa điện tử và quản lý văn bản đưa vào sử dụng đã góp phần thực hiện công tác cải cách hành chính. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được đảm bảo, phát huy tốt vai trò của người đứng đầu cơ quan trong cải cách hành chính.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Nhận thức của một số người dân về pháp luật trên một số lĩnh vực còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện các thủ tục hành chính.

- Công chức làm nhiệm vụ CCHC là kiêm nhiệm, cùng lúc phải thực hiện nhiều công việc khác nhau, dẫn đến việc rà soát, kiểm soát TTHC, công tác triển khai, tham mưu đẩy mạnh CCHC chưa sáng tạo.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tuyên truyền có hiệu quả tới toàn thể cán bộ công chức các văn bản của cấp trên, của thị trấn về công tác CCHC; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc; thường xuyên cập nhật thông tin về CCHC trên cổng thông tin điện tử của huyện.

- Chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức;

- Thường xuyên đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để phục vụ tốt hơn người dân, tổ chức đến thực hiện giao dịch tại cơ quan, đơn vị được tốt hơn.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Cải cách hành chính có khối lượng công việc lớn, liên quan đến nhiều công việc khác nhau nên đề nghị tiếp tục hỗ trợ kinh phí để đảm bảo trang thiết bị đầy đủ, hiện đại và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình giải quyết TTHC cho Bộ phận TN&TKQ; đồng thời đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác CCHC;

- Ứng dụng công nghệ thông tin (tích hợp các phần mềm dùng chung) trong công tác quản lý nhà nước. Nâng cấp phần mềm quản lý và điều hành văn bản làm sao thông minh hơn, sử dụng thuận tiện hơn nữa.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các cán bộ đầu mối thực hiện kiểm soát TTHC.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, UBND thị trấn trân trọng báo cáo UBND huyện, Phòng Nội vụ huyện Văn Lâm./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Lê Thế Am

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|--|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | thuộc vào địa giới hành chính. | | | |
| 3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.1.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | | |
| 3.1.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | | |
| 3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.2.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | | |
| 3.2.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | | |
| 3.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | Cấp huyện báo cáo cho cấp xã |
| 3.3.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | | |
| 3.3.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | | |
| 3.4. | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | | |
| 3.4.1. | Tổng số PAKN đã tiếp nhận (do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến) | PAKN | 0 | |
| 3.4.2. | Số PAKN đã giải quyết xong | PAKN | 0 | |
| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY | | | |
| 1. | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | | | |
| 1.1. | Sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | Hoàn thành = 1; chưa hoàn thành = 0 | | |
| 1.2. | UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | Hoàn thành = 1; chưa hoàn thành = 0 | | |
| 1.3. | Số ban, chi cục, trung tâm trực thuộc | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.4. | Số tổ chức liên ngành do sở, ban, ngành tham mưu thành lập | Tổ chức | | Chi báo cáo các tổ chức vẫn đang hoạt động (VD: |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|-----------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | | | Ban Chỉ đạo, Đoàn kiểm tra...) |
| 1.5. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.1. | Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.2. | Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.3. | Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | | |
| 2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 22 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 18 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 01 | |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |
| 3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |
| V | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ | | | |
| 1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 1.1. | Số phòng chuyên môn và tương đương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ) | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ) | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|------------|--|------------------|---------|------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên | Người | | Cấp huyện báo cáo cho cấp xã |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | | |
| 3. | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền) | | | |
| 3.1. | Số lãnh đạo cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | | |
| 3.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | | |
| 3.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật | Người | | |
| VI | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công | % | | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trực thuộc (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 2.1. | Tổng số đơn vị SNCL | Đơn vị | | |
| 2.2. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | | |
| 2.3. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.4. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.4.1. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.4.2. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.4.3. | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.5. | Số đơn vị SNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | | |
| 2.6. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Đơn vị | | |
| VII | XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, | | | |

| STT | Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-------|---|---|---------|------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | CHÍNH QUYỀN SỞ | | | |
| 1. | Sử dụng, khai thác đúng kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất của tỉnh | Không đúng quy định = 0 Đúng quy định = 1 | 1 | |
| 2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến | | | |
| 2.1 | Hệ thống hợp trực tuyến | Chưa có = 0 Đã có = 1 | 2 | |
| 2.2 | Liên thông từ UBND cấp huyện đến 100% cấp xã | Chưa hoàn thành = 0 Hoàn thành = 1 | | |
| 3. | Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | % | | |
| 4. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 4.1 | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| 4.1.1 | Sở, ban, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | | |
| 4.1.2 | UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1 | | |
| 4.1.3 | Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện | % | | Cấp huyện báo cáo cho cấp xã |
| 4.2 | Tỷ lệ văn bản đi dưới dạng điện tử của cơ quan, đơn vị (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử). | | | |
| 4.2.1 | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh | % | | |
| 4.2.2 | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện | % | | |
| 4.2.3 | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã | % | | Cấp huyện báo cáo cho cấp xã |
| 4.3 | Xây dựng, vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 4.3.1 | Sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống | Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0 | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|---|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4.3.2 | Cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0 | | |
| 4.3.3 | Cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0 | | |
| 5. | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 5.1 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 | % | | |
| 5.1.1 | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 66 | |
| 5.1.2 | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 13 | |
| 5.1.3 | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 3167 | |
| 5.2 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 | % | | |
| 5.2.1 | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 22 | |
| 5.2.2 | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 01 | |
| 5.2.3 | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 144 | |
| 5.3 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | % | 0 | |
| 5.3.1 | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến) | Hồ sơ | | |
| 5.3.2 | Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến | Hồ sơ | 0 | |
| 5.4 | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | | |
| 5.4.1 | Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...) | Thủ tục | | |
| 5.4.2 | Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh | Thủ tục | | |





Tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao tại thị trấn Như Quỳnh

(Kèm theo Báo cáo số: 79/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của UBND thị trấn)

| TT | Số, ký hiệu | Ngày ban hành | Tên nhiệm vụ | Thời hạn xử lý | Tình hình thực hiện | | | | | | | | | Kết quả xử lý bằng văn bản kiểm chứng (ghi rõ số, ký hiệu, ngày, tháng và trích yếu của văn bản) | | | | | | | |
|----|---------------|---------------|--|---------------------------------|---------------------|----|----|----------------|----|----|----------------|----|----|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | Đã thực hiện | | | Đang thực hiện | | | Chưa thực hiện | | | | | | | | | | |
| | | | | | ĐH | QH | KH | ĐH | QH | KH | ĐH | QH | KH | | | | | | | | |
| 1 | 01/BC-UBND | 05/01/2023 | báo cáo kết quả công tác bồi thường nhà nước năm 2022 | TP | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC qua biểu mẫu |
| 2 | 50/BPC-CV | 17/04/2023 | Công văn báo cáo thực hiện kết luận giám sát (nhờ các đồng chí văn thư gửi tới HĐND và UBND xã, tt giúp) | BPC bc trước ngày 12/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC số 55/BC-UBND kết quả thực hiện kết luận giám sát các quy định của pháp luật về quản lý hộ tịch, cư trú và công tác chứng thực trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh ngày 10/5/2023 |
| 3 | 575/UBND-NV | 18/05/2023 | Công văn đề nghị lập DS điều tra xã hội học năm 2023 | VP trước ngày 25/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC qua biểu mẫu |
| 4 | 480/UBND-VP | 08/05/2023 | Công văn lập dự toán thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh | trước ngày 12/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC dự toán thực hiện tăng cường an ninh đối với người lao động làm ở các dự án trên địa bàn về sinh sống |
| 5 | 07/CV-LĐTĐ | 13/03/2023 | Công văn về rà soát, lập danh sách trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và cập nhật dữ liệu trẻ em năm 2023 | Bà Thúy tổng hợp, LĐTĐ phối hợp | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC qua biểu mẫu |
| 6 | 06/CV-LĐTĐ | 13/03/2023 | Công văn về thu thập chỉ tiêu thống kê tình hình trẻ em và xâm hại trẻ em | Bà Thúy tổng hợp | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 7 | 50/CV-KTĐ | 16/05/2023 | Công văn về việc đơn đốc báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban kinh tế xã hội HĐND huyện năm 2021, 2022 | trước ngày 20/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC số 70/BC-UBND kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban kinh tế HĐND huyện Văn Lâm về công tác quản lý thu, chi các nguồn thu từ đất năm 2020-2021 |
| 8 | 416/UBND-GDĐT | 21/04/2023 | Công văn về việc kiện toàn cán bộ quản lý Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn | trước ngày 26/4/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 9 | 641/UBND-NV | 31/05/2023 | Công văn yêu cầu Chủ tịch UBND TT Như Quỳnh triển khai kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân theo KL42 của Thanh tra tỉnh HY | BC trước ngày 10/6/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | BC số 65a/BC-UBND thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân theo Kết luận Thanh tra tỉnh Hưng Yên |
| 10 | 445/UBND-NV | 26/04/2023 | Góp ý Dự thảo vị trí việc làm | trước ngày 29/4/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | Công văn số 76/UBND-VP tham gia góp ý vào dự thảo Đề án vị trí việc làm của các Hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên |
| 11 | 662/UBND-NV | 06/06/2023 | Góp ý về Vị trí việc làm các Hội | trước ngày 15/6/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | | | Công văn số 94/UBND-VP tham gia ý kiến vào dự thảo Đề án vị trí việc làm của các Hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (lần 2) |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|------------|------------|--|--|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 12 | 95/KH-UBND | 05/05/2023 | Kế hoạch các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để giải quyết tình hình tội phạm, tệ nạn ma túy phức tạp trên địa bàn huyện Văn Lâm | thực hiện trước ngày 06/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | BC thường xuyên từng tháng, biểu mẫu |
| 13 | 03/KH-UBND | 10/01/2023 | Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm năm 2023 | VP | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 03/KH-UBND Cải cách hành chính nhà nước thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 14 | 05/KH-UBND | 03/01/2023 | Kế hoạch CCHC và công tác nâng cao nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công huyện Văn Lâm năm 2023 | VP | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 18/02/2023 tự kiểm tra cải cách hành chính và công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2023 |
| 15 | 01/KH-HĐPH | 21/03/2023 | Kế hoạch chi tiết công tác tuyên truyền, phổ biến GDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 | ông Dũng | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 23/02/2023 công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 16 | 28/KH-UBND | 15/02/2023 | Kế hoạch công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn huyện Văn Lâm năm 2023 | TYT | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 03/03/2023 công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thị trấn năm 2023 |
| 17 | 90/KH-UBND | 24/04/2023 | Kế hoạch công tác Hộ tịch, chứng thực và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện./. | BC gửi trước ngày 30/4/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | KH số 17/KH-UBND ngày 27/01/2023 thực hiện chương trình trọng tâm công tác Tư pháp năm 2023 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 18 | 12/KH-UBND | 16/01/2023 | Kế hoạch công tác phổ biến, GDPL, hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Văn Lâm | ông Dũng BC | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 23/02/2023 công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 19 | 31/KH-UBND | 20/02/2023 | kế hoạch công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2023 trên địa bàn huyện Văn Lâm | ông Dũng | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 24/03/2023 về công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 20 | 52/KH-UBND | 10/03/2023 | Kế hoạch công tác văn hóa, văn nghệ huyện Văn Lâm năm 2023 | VHXX xây dựng KH | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 23/3/2023 công tác văn hóa, văn nghệ thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 21 | 84/KH-UBND | 13/04/2023 | Kế hoạch công tác xây dựng các xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2023 | Các ngành phối hợp thực hiện, LĐTBOXH XD kế hoạch BC trước ngày 15/12/2023 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 07/KH-HĐPH | 25/04/2023 | Kế hoạch đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2023 | trước ngày 10/11/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 27/01/2023 triển khai thực hiện Đề án truyền thông về quyền con người Việt Nam giai đoạn 2023-2028 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 23 | 12/KH-HĐND | 19/04/2023 | Kế hoạch giám sát việc triển khai, thực hiện Đề án số 01/ĐA-UBND và Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 17/2/2022 của UBND huyện | Địa chính phối hợp thực hiện BC trước ngày 05/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 10/5/2023 việc triển khai thực hiện Đề án số 01, Đề án số 02 của UBND huyện Văn Lâm |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|------------|------------|---|---|---|--|--|--|--|--|---|---|---|--|--|--|--|---|
| 24 | 57/KH-UBND | 15/03/2023 | Kế hoạch hoạt động công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em huyện Văn Lâm năm 2023 | Bà Thúy | x | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 20/03/2023 hoạt động công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em thị trấn năm 2023 |
| 25 | 27/KH-UBND | 15/02/2023 | Kế hoạch kiểm tra hành nghề Y, dược tư nhân năm 2023 trên địa bàn huyện Văn Lâm | TYT | x | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 19/4/2023 kiểm tra hành nghề Y dược tư nhân năm 2023 |
| 26 | 70/KH-UBND | 27/03/2023 | Kế hoạch phát triển Du lịch huyện Văn Lâm năm 2023 | VHXX triển khai, BC kết quả trước ngày 30/12/2023 | x | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch 58/KH-UBND ngày 23/03/2023 phát triển du lịch thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 27 | 74/KH-UBND | 28/03/2023 | Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 | CT, PCT Vương, QS, ông Cường, CA | | | | | | | x | | | | | | | KH số 64/KH-UBND ngày 05/4/2023 phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 |
| 28 | 64/KH-UBND | 20/03/2023 | Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Văn Lâm | LĐTBOXH | x | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 19/5/2023 rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Văn Lâm |
| 29 | 12/TĐA06 | 07/04/2023 | Kế hoạch tăng cường thu nhận và kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn huyện | CA xây dựng KH trước ngày 15/04/2023 | x | | | | | | | | | | | | | KH số 68/KH-UBND ngày 17/4/2023 tăng cường thu nhận và kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 30 | 75/KH-UBND | 30/03/2023 | Kế hoạch theo dõi tình hình PL về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023 | TP, Vp thực hiện BC trước ngày 01/10/2023 | | | | | | | x | | | | | | | |
| 31 | 34/KH-UBND | 22/02/2023 | Kế hoạch thực hiện chỉ thị số 31-CT/TU ngày 17/11/2022 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc.... | VP xây dựng KH | x | | | | | | | | | | | | | KH số 39/KH-UBND ngày 2/03/2023 thực hiện chỉ thị số 31 của TU về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ và đạo đức, lối sống của CB, đảng viên |
| 32 | 82/KH-UBND | 13/04/2023 | Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 3/11/2022 của TU HY về thực hiện NQ 20 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới | BC trước ngày 15/12/2023 | | | | | | | | x | | | | | | |
| 33 | 55/KH-UBND | 14/03/2023 | kế hoạch thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2023 | LĐTBOXH xây dựng KH, BC kết quả trước ngày 15/12/2023 | x | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 77 ngày 17/5/2023 thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2023 |
| 34 | 60/KH-UBND | 16/03/2023 | Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống mại dâm năm 2023 | LDĐTBOXH xây dựng KH | | | | | | | | | | | | | | KH số 76/KH-UBND ngày 17/5/2023 thực hiện công tác phòng chống mại dâm năm 2023 |
| 35 | 06/KH-HĐPH | 21/04/2023 | Kế hoạch thực hiện đề án tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân năm 2023 | trước ngày 10/11/2023 | | | | | | | | x | | | | | | |
| 36 | 05/KH-HĐPH | 19/04/2023 | Kế hoạch thực hiện đề án tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật | trước ngày 10/11/2023 | | | | | | | | | x | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|-----------------|------------|---|--|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 60 | 79/UBND-TNMT | 08/02/2023 | v/v báo cáo kết quả thực hiện KH 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh | Địa chính | | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 3/4/2023 vv thực hiện Kế hoạch số 93a của UBND tỉnh; Kế hoạch số 48 của UBND huyện về giải tỏa công trình vi phạm đối với các hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng công trình trái phép trên đất canh tác, đất hành lang ATGT, đất công trình thủy lợi trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 61 | 385/UBND-LĐTBXH | 17/04/2023 | v/v báo cáo kết quả triển khai, thực hiện NQ 121/2020/QH14 của Quốc hội | Bà Thúy TH trước ngày 28/4/2023 | | | | | | | | | | | | | BC số 49a/BC-UBND ngày 27/4/2023 |
| 62 | 129/UBND-KTHT | 21/02/2023 | V/v báo cáo số liệu đường bộ năm 2023 | Ông Cường | x | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 63 | 137/UBND-TCKH | 23/02/2023 | v/v báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản công năm 2022 | KT | x | | | | | | | | | | | | TB số 53/TB-UBND ngày 17/3/2023 vv công khai quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của UBND thị trấn năm 2023 |
| 64 | 294/UBND-VHTT | 30/03/2023 | v/v báo cáo tình hình thực hiện quy định về đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sử dụng NSNN | VHXX tổng hợp trước ngày 03/04/2023, KT phối hợp | x | | | | | | | | | | | | BC số 34/BC-UBND ngày 04/4/2023 về tình hình thực hiện quy định về đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước |
| 65 | 317/UBND-TCKH | 04/04/2023 | v/v cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng xây dựng trụ sở nhà làm việc công an xã, thị trấn | trước ngày 07/04/2023 | x | | | | | | | | | | | | BC số 37/BC-UBND ngày 06/04/2023 cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng xây dựng trụ sở nhà làm việc Công an thị trấn |
| 66 | 134/UBND-TNMT | 23/02/2023 | v/v chuyển đơn kiến nghị- Dương Văn Mát | ông Nho | | | | | | | | | | | | | BC số 13/BC-UBND ngày 21/02/2023 |
| 67 | 84/UBND-TNMT | 11/05/2023 | v/v chuyển đơn kiến nghị, phản ánh của ông Nguyễn Tám | BC trước ngày 10/6/2023 | | | | | | | | | | | | | BC số 73/BC-UBND ngày 07/06/2023 |
| 68 | 617/UBND-VP | 25/05/2023 | V/v đăng ký nội dung, chương trình trình UBND tỉnh, BTV Huyện ủy và xây dựng chương trình làm việc của UBND huyện 6 tháng cuối năm 2023 | Vp tổng hợp trước ngày 12/6/2023 | | | | | | | | | | | | | Đăng ký Chương trình làm việc của UBND 6 tháng cuối năm 2023 |
| 69 | 123/UBND-TCKH | 17/02/2023 | V/v đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công | KT | x | | | | | | | | | | | | TTr số 04/TTr-UBND ngày 10/2/2023 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 sang 2023 |
| 70 | 186/UBND-TNMT | 03/03/2023 | v/v hướng dẫn giải quyết đơn của ông Mai Xuân Thiêng | | | | | | | | | | | | | | BC số 36/BC-UBND ngày 04/4/2023 |
| 71 | 247/UBND-NNPTNT | 28/03/2023 | v/v niêm yết công khai danh sách các tổ chức, cá nhân đã thu nội Quỹ PCTT năm 2022 | trước ngày 10/04/2023 | x | | | | | | | | | | | | Thực hiện niêm yết |
| 72 | 415/UBND-VHTT | 21/04/2023 | V/v rà soát danh sách người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí | trước ngày 24/4/2023 | x | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 73 | 122/UBND-LĐTBXH | 17/02/2023 | v/v rà soát hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở năm 2023 | LĐTBXH, MTTQ | x | | | | | | | | | | | | Thực hiện rà soát theo biểu mẫu |
| 74 | 78/UBND-LĐTBXH | 08/02/2023 | v/v rà soát lập danh sách người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp của MSTB được cấp thẻ BHYT... | LĐTBXH | x | | | | | | | | | | | | Thực hiện rà soát theo biểu mẫu |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|------------------|------------|---|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 102 | 01/CV-NV | 04/01/2023 | Về việc tham gia ý kiến vào kế hoạch CCHC và kế hoạch tuyên truyền CCHC huyện Văn Lâm năm 2023 | CBCC, VP(tổng hợp) | x | | | | | | | | | | | | | Công văn số 02/UBND-VP tham gia góp ý vào dự thảo Kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023 |
| 103 | 15/CV-LĐT BXH | 24/05/2023 | Về việc triển khai tháng hành động vì trẻ em năm 2023 | trước ngày 2/7/2023 | x | | | | | | | | | | | | | KH số 51/KH-UBND ngày 20/03/2023 hoạt động công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em thị trấn năm 2023 |
| 104 | 49/CV-KTXH | 12/04/2023 | Vv báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban KTXH HĐND huyện năm 2021, năm 2022 | trước ngày 25/04/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC số 47/BC-UBND ngày 21/4/2023 việc thực hiện kết luận giám sát của Ban pháp chế HĐND huyện về quy trình xây dựng, ban hành quy chế làm việc và thực hiện kỷ cương hành chính tại UBND thị trấn Như Quỳnh |
| 105 | 14/UBND-TCD | 27/02/2023 | VV chuyển đơn của ông Nguyễn Văn Phục, thôn Hành Lạc | Anh Nho | | | | | | | | | | | | | | BC số 36/BC-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 |
| 106 | 56/UBND-TCD | 12/04/2023 | Vv chuyển đơn kiến nghị, phản ánh của công dân Nguyễn Văn Lượng và bà Vũ Thị Tạm, đội 11 | ĐC bc trước ngày 10/5/2023 | | | | | | | | | | | | | | BC số 52/BC-UBND ngày 04/5/2023 |
| 107 | 77/UBND-PTNMT | 05/05/2023 | Vv giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Mát | Địa chính thực hiện | | | | | | | | | | | | | | BC số 13/BC-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 |
| 108 | 67/UBND-LĐT BXH | 03/02/2023 | VV kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em | TE | x | | | | | | | | | | | | | BC 49a/BC-UBND ngày 27/4/2023 thực hiện Nghị quyết số 121.2020.QH14 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em |
| 109 | 442/UBND-TNMT | 26/04/2023 | Vv rà soát, tổng hợp bổ sung các tổ chức vi phạm KH 93a ngày 31/3/2017 của tỉnh | địa chính tổng hợp trước ngày 10/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC số 56/BC-UBND ngày 10/5/2023 kết quả tổ chức thực hiện KH số 93a của UBND tỉnh và KH số 48 của UBND huyện về giải tỏa các vi phạm trên đất nông nghiệp, hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi |
| 110 | 293/UBND-LĐT BXH | 29/03/2023 | VV thẩm định hồ trợ sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn | LĐT BXH trước ngày 31/03/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 111 | 10/CV-LĐT BXH | 19/04/2023 | Vv thực hiện chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ năm 2023 | gửi danh sách trước ngày 5/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 112 | 446/UBND-TCKH | 26/04/2023 | Vv tổng hợp thông tin tài sản được giao quản lý | TC tổng hợp trước ngày 06/5/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC biểu mẫu |
| 113 | 20/CV-TTr | | V/V Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị Kiểm toán nhà nước, kết luận của Thanh tra các cấp từ năm 2020- 2022 | BC trước ngày 23/02/2023 | x | | | | | | | | | | | | | BC số 15 ngày 15/2/2023 kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, kết luận của Thanh tra các cấp từ năm 2020 - 2023 |
| 114 | 53/KH-UBND | 04/04/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình năm 2023 trên địa bàn huyện | Địa chính xây dựng kế hoạch và bc thực hiện | x | | | | | | | | | | | | | BC công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và phân loại rác thải tại nguồn TT Như Quỳnh T5 |
| 115 | 99/UBND-TCKH | 21/02/2023 | v/v quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành | Kế toán | x | | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 21/4/2023 tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành giai đoạn 2021-2022 của thị trấn Như Quỳnh |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------|------------|---|---------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 116 | 23/KH-UBND | 07/02/2023 | Kế hoạch công tác Thi đua- khen thưởng năm 2023 | Văn phòng | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch 27/KH- UBND ngày 13/02/2023 công tác thi đua khen thưởng năm 2023 |
| 117 | 70/KH-UBND | 27/03/2023 | Kế hoạch phát triển Du lịch huyện Văn Lâm năm 2023 | Văn hóa | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 58/KH- UBND ngày 23/3/2023 phát triển du lịch thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 118 | 18/KH-UBND | 31/01/2023 | Kế hoạch thực hiện Chi thị 01/CT-TTG ngày 03/1/2023 của TTCP và chi thị 37/CT-TU ngày 15/12/2022 của TU về tăng cường công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn | Công an xây dựng kế hoạch | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch 25a/KH-UBND ngày 28/02/2023 công tác PCCC năm 2023 |
| 119 | 94/KH-UBND | 16/05/2023 | Kế hoạch tổ chức HN chuyên đề về công tác BV môi trường năm 2023 | Địa chính | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 15/03/2023 chuyên đề về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn thị trấn năm 2023 |
| 120 | 69/KH-UBND | 28/03/2023 | Kế hoạch phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng huyện Văn lâm năm 2023 | Vp | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 28/03/2023 phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 121 | 72/KH-UBND | 27/03/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Văn Lâm | VP | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 05/4/2023 Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 122 | 78/KH-UBND | 19/04/2023 | Kế hoạch tổ chức phát động các phong trào thi đua chuyên đề, theo đợt trên địa bàn huyện Văn Lâm, năm 2023 | VP | | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 19/4/2023 tổ chức phát động các phong trào thi đua chuyên đề, theo đợt trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 123 | 05/KH-BCĐ | 12/04/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2023 | VHXH | x | | | | | | | | | | | | | | Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 19/5/2023 triển khai thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh năm 2023 |
| 124 | 152/UBND-TNMT | 24/02/2023 | v/v báo cáo tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp | Địa chính | x | | | | | | | | | | | | | | Báo cáo 16/BC-UBND ngày 16/01/2023 tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp |
| 125 | 317/UBND-TCKH | 04/04/2023 | v/v cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng xây dựng trụ sở nhà làm việc công an xã, thị trấn | Tài chính | x | | | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 06/4/2023 cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng xây dựng trụ sở nhà làm việc Công an thị trấn |
| 126 | 686/UBND-TNMT | 09/06/2023 | v/v thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn | Địa chính | x | | | | | | | | | | | | | | BC vv quản lý, vận chuyển, xử lý rác thải dân sinh trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh |
| 127 | 94/BC-UBND | 17/03/2023 | Báo cáo kết quả công tác CCHC quý I/2023 và phương hướng, nhiệm vụ quý II/2023 | VP | x | | | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 15/03/2023 kết quả thực hiện Cải cách hành chính Quý I năm 2023 |
| 128 | 06/CV-LĐT BXH | 21/03/2023 | Công văn về thu thập chỉ tiêu thống kê tình hình trẻ em và xâm hại trẻ em | TE | x | | | | | | | | | | | | | | Báo cáo 29/BC-UBND ngày 21/3/2023 thống kê tình hình trẻ em và xâm hại trẻ em |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------|------------|--|-----------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 129 | 13/CV-NV | 22/03/2023 | Về việc rà soát công chức thuộc diện chuyển đổi vị trí theo Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện | VP | x | | | | | | | | | | | | Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 28/03/2023 rà soát công chức thuộc diện chuyển đổi vị trí theo Kế hoạch 52-KH-UBND ngày 30-3-2022 của UBND huyện |
| 130 | 294/UBND-VHTT | 30/03/2023 | v/v báo cáo tình hình thực hiện quy định về đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sử dụng NSNN | Tài chính | x | | | | | | | | | | | | Báo cáo 34/BC-UBND ngày 04/4/2023 về tình hình thực hiện quy định về đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước |

